

NGÔN NGỮ

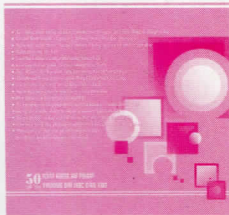
TẠP CHÍ CỦA
HỘI NGÔN NGỮ HỌC VIỆT NAM
SỐ 8 (250) 2016

ISSN 0868 - 3409

& đời sống

- Xây dựng hình tượng nhân vật trong truyện ngắn qua việc dùng từ địa phương
- Cơ chế hình thành và giải mã điển cố trong văn học trung đại
- Ngôn ngữ nghệ thuật của tiểu thuyết *Những ngả tư và những cột đèn*
- Ngôn từ trong tùy bút
- Loại hình nhịp và nhịp thơ trong tiếng Việt
- Viết hoa tên cơ quan, tổ chức trong tiếng Việt
- Dạy từ mới cho học sinh tiểu học trong đọc hiểu văn bản
- Thành ngữ trong truyện ngắn đồng bằng sông Cửu Long
- Vai trò của ngôn ngữ trong tiếp nhận văn học
- Ngôn ngữ trong tuyển tập *Chạy...* của Hữu Thọ
- Phê bình văn học từ góc độ ngôn từ
- Sự ám ảnh của cú pháp trong truyện ngắn yêu nước 1965-1975
- Giọng điệu nghệ thuật trong tiểu thuyết *Người chằm*
- Tiếp cận bài ca dao nghi lễ trong *Bất sầu rừng U Minh Hạ*
- Cấu trúc tu từ của phần dẫn nhập bài báo nghiên cứu tiếng Anh
- Phát triển tư duy phê phán trong viết luận:
tác động của diễn đàn trên facebook

50 NĂM KHOA SƯ PHẠM
1966 - 2016 **TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**



NGÔN NGỮ & đời sống LANGUAGE AND LIFE

TẠP CHÍ CỦA HỘI NGÔN NGỮ HỌC VIỆT NAM
A JOURNAL OF LINGUISTICS SOCIETY OF VIETNAM

NĂM THỨ 22
Ra mỗi tháng một số
Số 8 (250) - 2016

BAN BIÊN TẬP

- PGS.TS HOÀNG DŨNG
- TS. DƯƠNG KỶ ĐỨC
- TS. NGUYỄN VĂN HẢI
- PGS.TS PHAN VĂN HÒA
- GS.TSKH NGUYỄN QUANG HỒNG
- PGS.TS BÙI MẠNH HÙNG
- CN. PHAN ĐĂNG KHOA
- PGS.TS ĐẶNG NGỌC LỆ
- GS.TS ĐỖ THỊ KIM LIÊN
- PGS.TS TRẦN VĂN PHƯỚC
- TS. NGUYỄN THỊ KIM THANH
- PGS. TS. LÊ VĂN THANH
- GS.TSKH LÝ TOÀN THẮNG
- GS.TS LÊ QUANG THIÊM
- PGS.TS TẠ VĂN THÔNG
- TS. HUỖNH CÔNG TÍN
- PGS.TS NGUYỄN LÂN TRUNG

TRỊ SỰ

ThS. ĐẶNG KIM DUNG

GPXB: 244/GP-BTTTT (7-8-2014)

Chỉ số: ISSN 0868 - 3409

In tại Nxb Chính trị Quốc gia

TRỤ SỞ TÒA SOẠN:

Tầng 1, nhà C, ngõ 301 đường
Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: (84) (04) 3.7624212; E-mail:
ngonnguadoisong@gmail.com

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN:

TẠI ĐÀ NẴNG: 131 Lương Nhữ
Hộc, quận Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng.
ĐT: 0905110759

Tổng biên tập: GS.TS Nguyễn Văn Khang
Phó Tổng biên tập: PGS.TS Phạm Văn Hảo
PGS.TS Phan Văn Quế

NGUYỄN VĂN NỞ - NGUYỄN THỊ TUYẾT HOA: Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật trong truyện ngắn của Sơn Nam (khảo sát qua việc dùng từ địa phương Nam Bộ).....	1
NGUYỄN KIM CHÂU: Cơ chế hình thành và giải mã điển cố trong văn học trung đại Việt Nam.....	10
NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH: Những sáng tạo trong ngôn ngữ nghệ thuật của tiểu thuyết <i>Những ngã tư và những cột đèn</i> của Trần Dần.....	16
TRẦN VĂN MINH: Vẻ đẹp ngôn từ trong tùy bút.....	22
CHIM VĂN BÉ: Loại hình nhịp và nhịp thơ tiếng Việt.....	30
NGUYỄN THỊ NGỌC ĐIỆP: Vấn đề viết hoa tên cơ quan, tổ chức trong tiếng Việt.....	37
TRỊNH THỊ HƯƠNG & LỮ HÙNG MINH: Dạy từ mới cho học sinh tiểu học trong đọc hiểu văn bản.....	42
NGUYỄN THỤY THÙY DƯƠNG: Giá trị biểu đạt của thành ngữ trong truyện ngắn đồng bằng sông Cửu Long.....	46
LÊ THỊ NHIÊN: Vai trò của ngôn ngữ trong tiếp nhận văn học (qua nghiên cứu loại hình kí).....	56
NGUYỄN THỊ KIỀU OANH: Tìm hiểu ngôn ngữ trong tuyển tập tiểu phẩm báo chí <i>Chạy...</i> của Hữu Thọ.....	65
BÙI THỊ THÚY MINH: Phê bình văn học trong tác phẩm văn chương từ góc độ ngôn từ của <i>Kim Thánh Thán</i>	75
BÙI THANH THẢO: Sự ám ảnh của cú pháp trong truyện ngắn yêu nước ở đô thị miền Nam 1965-1975.....	80
PHẠM TUẤN ANH: Giọng điệu nghệ thuật trong tiểu thuyết <i>Người chậm</i> của John Maxwell Coetzee.....	86
TRẦN VĂN THỊNH: Tiếp cận bài ca dao nghi lễ trong <i>Bất sầu rừng U Minh Hạ</i> của nhà văn Sơn Nam.....	90
ĐỖ XUÂN HẢI: Cấu trúc tu từ của phần dẫn nhập bài báo nghiên cứu tiếng Anh	96
PHAN VIỆT THẮNG - NGUYỄN VĂN LỢI: Phát triển tư duy phê phán trong viết luận: tác động của diễn đàn thảo luận trên facebook.....	10

PHÊ BÌNH VĂN HỌC TRONG TÁC PHẨM VĂN CHƯƠNG TỪ GÓC ĐỘ NGÔN TỪ CỦA KIM THÁNH THÁN

CRITICISM IN LITERARY WORKS FROM THE ASPECTS
OF LANGUAGE USE OF JIN SHENING

BÙI THỊ THÚY MINH

(ThS; Trường Đại học Cần Thơ)

1. Dẫn nhập

Kim Thánh Thán là một trong những nhà lí luận phê bình đặc biệt chú trọng đến phương diện ngôn từ khi thưởng thức, bình giá một tác phẩm văn chương. Theo ông, đã làm công việc phê bình là phải khai thác sâu về đẹp, giá trị tạo hình, biểu cảm của ngôn từ, phải đọc thật kĩ để tìm ra ý tứ tinh diệu được nén chứa trong từng lời từng chữ, phải khảo sát lời văn nghệ thuật ở mọi cấp độ và chỉ bằng cách đó, người thưởng thức mới hiểu hết cái hay, cái đẹp của một tác phẩm văn chương. Thông qua việc tìm hiểu, phân tích những lời bình điểm trong các tác phẩm phê bình của Kim Thánh Thán, bài viết này hướng tới mục đích khảo sát những nét đặc sắc trong cách phê bình nghệ thuật sử dụng ngôn từ của ông ở các cấp độ tự pháp, cú pháp và chương pháp.

2. Phê bình tự pháp

Từ trong cội nguồn của văn chương Trung Hoa, khái niệm *Văn vốn* đã được hiểu là vẻ đẹp hình thức của ngôn từ mà nhờ đó, nội dung của lời nói mới có khả năng đi được xa (*Ngôn chi vô văn, hành nhi bất viễn* - Tả Truyện). Cho nên, với người xưa, sáng tác văn chương là một quá trình lao động nghệ thuật nghiêm túc, ở đó, người nghệ sĩ phải vất vả “thôi xao”, lựa chữ, chọn lời, chỉ hai câu thơ mà ba năm mới làm xong đến nỗi một lần ngâm lên, hai hàng lệ nhỏ (*Nhị cú tam niên đắc - nhất ngâm song lệ lưu* - Giả Đào). Gửi gắm trọn tâm huyết vào từng câu, chữ nên tác giả chỉ mong tìm được một người tri âm, một người đọc tài hoa và uyên bác có thể thấu hiểu được tình ý và thẩm định những giá trị đích thực cho đứa con tinh thần của mình. Theo Kim Thánh Thán, người đọc tài hoa và uyên bác đó dứt khoát phải là những nhà phê bình

có kinh nghiệm, luôn biết cách đọc tác phẩm thật kĩ, chú ý đến từng chữ và mối quan hệ của chúng trong lời văn rồi dùng năng lực trực giác nhạy bén để phát hiện và bình giá chính xác những chỗ dùng chữ tinh diệu.

Quan niệm phê bình văn chương dựa trên cơ sở khảo sát sâu yếu tố nghệ thuật sử dụng ngôn từ chỉ phối nhất quán trong những lời bình điểm, giáp phê của Kim Thánh Thán khi đọc tác phẩm. Khi phê bình vở *Mái tây*, ông dành rất nhiều lời khen tặng cho các yếu tố ngôn từ. Chẳng hạn, ở chương “Lật hện”, lời bình của ông đôi khi chỉ xoáy sâu vào vài chữ mấu chốt như cách khai thác nhãn tự trong thơ ca: “Chỉ hai chữ mà còn hơn người khác viết hàng hai trăm, hai nghìn, hai vạn chữ!” [4, tr. 967]. Ở chương “Quấy đám”, khi nói về nỗi thất vọng của Trương Quân Thụy, Kim Thánh Thán nhấn mạnh: “Bốn chữ *Thôi thế là tan* thâm đậm vô cùng” [4, tr.935]. Đọc đoạn tả cảnh vườn hoa nhà họ Thôi, chương “Gặp gỡ” ông có một phát hiện chữ nghĩa đắt giá: “Tả cậu Trương chơi chùa đã xong, sắp ra về thì gặp người đẹp,...Dùng vô số những chữ *Phật điện, Phòng tăng*,.. toàn là hư tự cả. Lại dùng những chữ *ông Thánh Hiền, bà Mục Thiện*,...cũng toàn là hư tự cả” [4, tr.899].

Phê bình Thủy Hử truyện, Thánh Thán thường có những lời bình xuất thần về cách dùng từ của tác giả. Chẳng hạn, trong Hồi 4 *Thủy Hử truyện*, đọc đến câu “Nà Đại vương ba xuất phòng môn” (Đại vương kia bò ra cửa phòng), Kim Thánh Thán giáp phê rằng: “Sáu chữ kì văn. Chữ *Đại vương* và chữ *bò*, chữ *cửa phòng* trước giờ không thấy dùng liên nhau”. Hoặc liền sau đó có câu Đại vương than “Con ngựa này cũng tới bắt nạt ta cho được nữa!” Thánh Thán giáp phê rất tinh tế để

chỉ rõ ý nghĩa hàm ẩn trong câu chữ: “Hai chữ cũng tới dùng thật diệu. An trong câu nói là một câu chữ. *Tên trọc trong kia khinh bạt, bất nạt ta cũng được đi, đằng này, chỉ là con ngựa thoi sao lại dám coi thường ta thế kia!*” [5, tr.127].

Phê bình thơ luật, Kim Thánh Thán lại càng chú trọng đọc kĩ từng câu, chữ bởi bản thân bài thơ đã là sự cô đúc, nén chứa toàn bộ ý tưởng vào một cấu trúc ngôn từ cực kì nhỏ gọn nên mỗi chữ đều phải có sức nặng, phải đặc biệt hàm súc và tinh tế. Trong *Thánh Thán ngoại thư. Ngự đình văn quán, Dữ thức tổ Chánh Sĩ Cát* ông từng nhấn mạnh: “Bài thơ thất ngôn luật có 8 lần 7 tổng cộng 56 chữ, như 56 ngôi sao, mỗi ngôi nắm giữ trọng trách riêng, nhưng có sự kết nối lại với nhau.” [3, tr.95]. Khi bình bài thơ *Đặng Kim Lăng Phụng hoàng đài* của Lý Bạch, Kim Thánh Thán cũng nhắc lại cái ý ca ngợi tính chất kiệm lời của thơ luật, rằng “mỗi giải 4 câu, 4 lần 7 có 28 chữ, phân rõ 28 tinh tú, mỗi một vị trí tồn tại đều có giá trị riêng, không từ nào tồn tại vô duyên cớ cả.” [3, tr.216]. Câu chữ tiết chế nhưng hàm nghĩa thì cực kì phong phú, cho nên, người phê bình văn chương vừa phải có năng lực cảm nhận nhạy bén để phát hiện những chữ “đắt” để bình giải, khơi mở được ý tưởng, tình cảm của tác giả nén chứa trong thần cú, nhãn tự vừa phải “làm cho người đời sau không chỉ thấy chữ của thơ Đường, mà còn phải thấy cả chất thơ của thơ Đường” [3, tr.96]. Trong *Đường tài từ thi*, có thể tìm thấy rất nhiều chỗ Kim Thánh Thán bình giải chữ nghĩa cực kì tinh tế, đơn cử như trường hợp bình bài thơ *Kim lăng hoài cổ* của Lưu Vũ Tích dưới đây:

“*Vương Tuấn lâu thuyền há Ích Châu/Kim Lăng vương khí âm nhiên thâu/Thiên tâm thiết tòa trầm giang để/Nhất phiến hàng phan xuất Thạch Đầu/Nhân thế kì hồi thương vãng sự/Sơn hình y cựu chằm hàng lưu/Tông kim tử hải vi gia nhật/Cổ lũy tiêu tiêu lộ dịch thu* (Vương Tuấn xuôi thuyền xuống Ích Châu - Kim Lăng vương khí ù ê rầu - Đáy sông chằng chịt giăng xiềng sắt - Cờ trắng lơ thơ lộ Thạch

Đầu - Nhân thế bao lần thương chuyện cũ - Hình non còn gói lạnh dòng sâu - Từ nay bốn bề nhà chung một - Lũy cũ lau thu tiếng xạc xào - Bản dịch thơ của Trần Trọng San).

Xuất phát từ câu chuyện Vương Tuấn được Tấn Vũ Đế cử đi đánh nước Ngô, vượt qua trận địa xích sắt dưới lòng sông, tiến quân thẳng tới thành Thạch Đầu, Lưu Vũ Tích đã ghi lại nỗi niềm cảm khái trong một bài thơ luật đậm chất hoài cổ. Đọc bài thơ này, Thánh Thán cho rằng, hai chữ “lâu thuyền” đã làm rõ thanh thế mạnh mẽ lúc Vương Tuấn vâng lệnh vua xuống Ích Châu và dùng làm hình ảnh tương phản với hình ảnh thảm bại, rời rã khi rời khỏi đất Đông Ngô. Ở câu hai, ông phê rằng: Trong cụm từ “*âm nhiên thâu*”, “chữ *thâu* dùng thật diệu, không cần tốn thêm bút mực mà vẽ ra được cảnh trời mình ra hàng lúc ấy, không kể sách, sắc màu sinh động như tranh”; “thiết tòa trầm giang để” và “hàng kì xuất thạch đầu” trong câu ba và bốn là nối tiếp của 3 chữ “*âm nhiên thâu*”. Các chữ, “thiên tâm”, “nhất phiến” là sự phản chiếu lại hình ảnh người kiên cường, đầy nghị lực nhưng thất bại. Trong hậu giải, hai chữ “*kì hồi*” đã lột tả cảm giác băng khuâng vô hạn về sự hưng vong. Câu kết dùng nhiều chữ nói về sự suy tàn như *cổ lũy, tiêu tiêu, lộ dịch, thu...* tả tình cảnh hiện tại khi bốn biển đã là một nhà, “đó cũng là một điều *kì* (hay) *vậy*” [3, tr.321].

Có thể thấy, khi bình điểm, Kim Thánh Thán luôn bám sát từng câu chữ trong văn bản, chỉ ra những chỗ dùng chữ khéo léo, tinh tế để qua đó thấy được tình cảm, tài năng của thi nhân. Đây là lối bình điểm nặng tính trực giác, đòi hỏi người phê bình vừa phải có kinh nghiệm, tri thức, vừa phải có trái tim nhạy cảm và con mắt tinh đời.

Khi khai thác sâu nghệ thuật sử dụng ngôn từ, Kim Thánh Thán còn đặc biệt quan tâm đến phép điệp tự, một biện pháp tu từ đáng chú ý trong sáng tác văn chương cổ. Dấu hiệu nhận biết phổ biến nhất là một từ nào đó được cố ý lặp đi lặp lại nhiều lần, nhằm nhấn mạnh ý cần biểu đạt trong lời văn. Kim Thánh Thán rất quan tâm đến hiệu quả nghệ thuật của phép tu từ này khi phê bình văn chương, bởi theo

ông, điệp tự thường “nhảy nhót ẩn hiện như rồng biến hóa trong không trung” (lời phê bình từ *Minh* được lặp lại nhiều lần trong *Tổng Mạnh Đông dã tự* của Hàn Dũ). Chính nó đã giúp cho lời văn nghệ thuật vừa có được vẻ đẹp uyển chuyển linh hoạt vừa phát huy được hiệu quả khắc sâu ý tình mà tác giả muốn gửi gắm.

Tất nhiên, để chỉ ra hiệu quả nghệ thuật của phép điệp tự, người phê bình cũng phải hết sức tinh tế. Chẳng hạn, khi phê bình lời văn trong khúc hát của Hồng Nương trong *Mái tây*, chương “Lần trước”, ông hạ bút khen một câu khoáng đạt: “Liên tiếp hạ nhiều chữ *nhất cá*, như gió thổi hoa tàn, rụng đông rụng tây, thật là đẹp mắt.” [4, tr.992]. Khi đọc *Chiến quốc sách*, Thánh Thán rất nhạy bén khi phát hiện 6 lần lặp lại cụm từ “*đông địa lục bách lí*”, 3 lần lặp “*vi chi nại hà*”, mười ba lần lặp lại từ “*đông địa*” (*Thận tử toàn đông địa ngũ bách lí*) [7, tr.1219]. Vì vậy, trong lời giáp phê, ông nhiều lần hạ bút khen: “Diệu diệu”, “cụ thị trùng điệp chi pháp¹ (là phép lặp đi lặp lại nhiều lần). Đọc *Tả truyện*, Kim Thánh Thán cũng nhiều lần chỉ ra những chỗ có sử dụng phép điệp, ví dụ như quyển 1, *Tả truyện. Tấn Sư Công tương tuyệt tấu*, ông nhấn mạnh rằng người viết đã dùng đến chín chữ “ngã” (*tôi*) để nhấn mạnh và làm cho ý văn được rõ ràng, mạnh mẽ hơn: “Vô lộc, Văn Công tức thế, mục vi bất điều, miệt tử ngã quân, (một chữ *tôi*), quả ngã tương công (hai chữ *tôi*), tuyền ngã hào địa, (ba chữ *tôi*) Gian tuyệt ngã hào (bốn chữ *tôi*), phạt ngã bảo thành (năm chữ *tôi*) tàn diệt ngã phí hoạt, (sáu chữ *tôi*) Tán li ngã huynh đệ (bảy chữ *tôi*), nhiễu loạn ngã đồng minh (tám chữ *tôi*), khuynh phúc ngã quốc gia (chín chữ *tôi*)”².

¹ 俱是重沓之法

² Nguyên văn: 無祿，文公即世，穆為不弔，蔑死我君，【一“我”字】寡我襄公【二“我”字】迭我滄地，【三“我”字。】姦絕我好，【四“我”字。】伐我保城，【五“我”字。】殘滅我費滑，【六“我”字。】散離我兄弟【七“我”字。】撓亂我同盟，【八“我”字。】傾覆我國家。【九“我”字】

Ngoài ra, việc tìm hiểu ý đồ nghệ thuật của tác giả thông qua cách đặt họ tên, biệt danh cho các nhân vật cũng là một nét đặc sắc trong cách phê bình ngôn từ nghệ thuật của Kim Thánh Thán. Theo ông, *Thủy Hử truyện* có 108 hảo hán, trong số đó, nhiều cái tên của những người anh hùng hàm chứa một ý nghĩa nhất định nếu xâu chuỗi chúng lại. Trong Hồi 14 *Thủy Hử truyện*, bàn về một đóa hoa trên ngực Tiểu Ngũ, ông bình: “Sử Tiên, Lỗ Đạt, Yên Thanh khắp người thêu hoa, mỗi cái tên đều chứa đựng hàm ý”; đối với nhân vật Lâm Xung, Thánh Thán cho rằng: “trước khi lên Lương Sơn Bạc, xưng *Báo tử đầu*, ý muốn nói đến con vật đứng đầu trong loài mãnh thú.”. Đặc biệt, cũng ở hồi 14, ông có một phát hiện rất thú vị về họ tên và biệt danh của ba anh em họ Nguyễn như sau: “Ghép 3 biệt danh của 3 anh em lại, sẽ cảm nhận một sự ngao ngán. Anh cả biệt danh *Lập Địa Thái Tuế*, em là *Hoạt Diêm La*, *Thái Tuế* là sinh, *Diêm La* là vua cõi tử (chết), sinh tử hai mặt đối nhau; ở giữa có anh biệt danh là *Đoán Mệnh*. Sống chết cứ nối tiếp nhau, đời người ngắn ngủi.”, “Tiểu Thất là bảy, tiểu Nhị và tiểu Ngũ cộng lại cũng thành bảy; Tiểu Ngũ đổi lại thành Nhị Lang, vậy một người này tự mình cộng hai số của tên gọi và biệt danh cũng ra thành con số bảy. Ba người hợp lại, tổng 7 lần 3 là 21, ứng với số sao Thiếu Dương. 108 người tất thuộc Dương, thiếu âm khí, tất thoái tại nơi *thiếu*, như vậy chỉ qua tên gọi của nhân vật trong truyện cũng thấy ý của tác giả tôn thờ triều đình, kết cục bi thảm của những anh hùng Lương Sơn là điều tất nhiên.” [5, tr.247].

3. Phê bình cú pháp và chương pháp

Luyện chữ đương nhiên là một công việc quan trọng đối với người sáng tác văn chương nhưng, chữ còn phải kết hợp với nhau để thành câu và câu phải kết hợp với nhau để thành chương, từ đó mới có được một văn bản nghệ thuật hoàn chỉnh. Trong *Phép đọc Mái tây*, Kim Thánh Thán có viết một đoạn văn khá chi tiết miêu tả tiến trình rèn luyện công phu về ngôn từ mà người học văn chương cần phải tuân tự trải qua mới mong đạt tới một trình độ sáng tác và thưởng thức văn chương

nhất định: “Ngang, số, phẩy, móc hợp lại thành chữ. Chữ ghép vào với nhau thành ra câu. Câu trộn với nhau thành ra chương. Trẻ con 5,6 tuổi phải dạy nó biết chữ. Biết chữ rồi phải dạy nó chấp chữ thành câu. Chấp 5,6 chữ thành câu rồi phải dạy nó sắp câu thành chương. Trước tiên, hãy sắp 5,6,7 câu thành một chương: kể dạy đến sắp mười câu trở lên thành một chương! Khi đã sắp được hơn mười câu thành một chương rồi, lại dạy cho sắp 5 câu hay 4 câu thành một chương, 3 câu 2 câu cho đến 1 câu thành 1 chương: Khi đã hiểu sắp 1 câu thành một chương, thì đưa cho nó vở Mái tây nó đọc!” [4, tr.855].

Nhận thức rõ tiến trình này để thấy rằng trong cách phê bình văn chương của Kim Thánh Thán, các yếu tố cú pháp và chương pháp cũng được ông đặc biệt chú ý khai thác và có nhiều đóng góp, đúc kết có giá trị về mặt lí luận. Bàn về ngôn từ nghệ thuật trong tiểu thuyết, ông đề cập đến những dạng thức cú pháp đáng chú ý mà nhà văn sử dụng như cú pháp đảo chuyển, cú pháp không hoàn chỉnh, dĩ tự vi cú, cú pháp yêm ứng trước sau,... Trong phê bình cổ văn, Thánh Thán thường nhấn mạnh cái hay của người xưa khi “chỉ mấy chữ mà thành câu”. Khi bình điểm thơ ca, ông cũng thường quan tâm giải thích cú pháp, đặc biệt nhấn mạnh những dạng thức cú pháp biến hóa giúp cho ngôn từ có thể phát huy được hết sức mạnh tạo hình và biểu cảm trong câu thơ.

Đáng chú ý nhất là ở phương diện chương pháp, Thánh Thán đã có nhiều đóng góp có giá trị về lí luận phê bình thơ ca khi sử dụng thuyết phân giải vào việc cảm nhận, phê bình thơ luật. Theo ông, muốn nắm rõ bố cục của một bài thơ luật, cần phân ra hai phần tiền giải và hậu giải, mỗi hai câu lại phân thành một đơn vị ngữ ý cấu thành nhất thể theo quan hệ khai, thừa, chuyển, hợp. Thậm chí, theo ông, cách phân chia này không chỉ áp dụng cho thơ luật, mà còn có thể sử dụng đối với thơ trường thiên thời Đường. Trong Đáp Cổ Chương Hoàn Từ Húc, ông giải thích khá rõ quan điểm của mình rằng, với một bài thơ luật, “chỉ khi phân giải ra rồi mới nhìn thấy được sự mở đầu và kết thúc một

cách rõ ràng. Văn chương xưa nay vốn quý ở mở đầu và khó ở kết thúc, nếu không phân ra tiền giải hậu giải” thì “nhất thời chỉ không ra, nên miễn cưỡng mà thoát ra khỏi cách làm xưa nay.” [3, tr.98].

Đặc biệt, Kim Thánh Thán có nhiều đóng góp, phát hiện có giá trị khi khảo sát chương pháp trong tiểu thuyết và hí khúc. Ông rất chú trọng tổ chức bố cục, luôn quan sát cái tổng thể và nhắc nhở độc giả rằng “Phàm khi đọc sách, người đọc phải phóng tầm nhìn đi xa” [5, tr.28], đừng vì sơ ý mà được cái nhỏ, mất cái lớn, “xem yên ương mà quên kim vàng” [4, tr.855].

Cũng trong Phép đọc Mái tây, Thánh Thán khuyên độc giả phải “đọc làm một hơi để có thể tóm được từ đầu đến cuối” nhằm bao quát, xâu chuỗi các chi tiết, nhờ đó, mới thấy hết tài tổ chức, sắp xếp cú pháp, chương pháp của tác giả. Chẳng hạn, khi phê bình cả chương “Quây đám”, ông viết: “Đến đây là lần thứ ba mà cậu Trương được gặp Thôi Oanh Oanh. Thế nhưng, khi ở vườn hoa thì mới thoáng trông thấy. Thoáng trông thấy thì chưa thực là trông thấy! Xa trông thấy cũng chưa thực là trông thấy. Hai lần trông thấy mà chưa thực là trông thấy, vậy thì lần này mới thực là lần cậu Trương trông thấy Oanh Oanh, cho nên, tác giả về chỗ đó phải dùng bút cẩn thận lắm” [4, tr.927]. Như vậy, người đọc phải biết kết nối tình tiết, chi tiết trong các chương trước đó với chương đang đọc để thấy rõ cách phục bút thần tình của tác giả khi chuẩn bị cho sự xuất hiện của nhân vật hay sắp xếp cho nhân vật xuất hiện theo trình tự, từ chỗ mờ ảo đến chỗ rõ ràng để từ đó nhấn mạnh sự phát triển của mạch tình cảm, từ chỗ xa lạ, cơ ngộ đến lúc bén duyên.

Phê bình Thủy Hử truyện, Kim Thánh Thán cho rằng “thiên văn tự” này là do sự kết hợp của nhiều “liệt truyện” tạo thành, mà liệt truyện lại do “sự tích”, “sự thể” kết hợp nên. Tuy nhiên, cái hay của tác giả là xâu chuỗi các liệt truyện đó lại trong một kết cấu chặt chẽ tạo thành “Một bộ sách, mở đầu và kết thúc bằng thơ, có bốn chữ Thiên hạ thái bình”; tác giả có ý sắp xếp sự thái bình thơ mộng ấy là nhằm chuẩn bị cho sự đối ứng “Đĩ thi khởi, đĩ thi kết,

cực vi chương pháp.” [6, tr.1235]. Nhận thức rõ mối quan hệ hô ứng giữa các hồi trong *Thủy Hử truyện*, Kim Thánh Thán đề xuất những tên gọi chương pháp, như *Phép cắm lộn lên, phép kể chuyện sóng đôi, phép đại mặc lạc, phép bối diện phò phán, phép đọc vĩ, dao đối,...* mà theo ông, “Nếu đem phép đọc sách *Thủy Hử* của ta ra đọc” thì có thể thấy được sự tinh nghiêm là ở chỗ “Chữ có phép chữ, câu có phép câu, chương có phép chương, bộ có phép bộ vậy.” [5, tr.28].

4. Kết luận

Xưa nay, đã là người sáng tác văn chương, ai lại không lao tâm khổ tứ trong việc lựa chữ chọn lời sao cho ngôn từ nghệ thuật trong tác phẩm vừa có được vẻ đẹp trau chuốt tinh tế vừa bộc lộ được trọn vẹn ý tình. Nội dung sâu sắc nhưng ngôn từ thô vụng, cầu thả thì “*có văn cũng như không, như chim muông lông có năm màu sắc, nhưng lại không tạo thành dáng vẻ gì cả*”³ (Vương Sung) [2, tr 609], “*Ý nghĩa tuy sâu sắc, hợp lí lẽ, nhưng không có trau chuốt về từ thì không thành văn, không thể lưu truyền*”⁴ (Lý Cao) [1, tr.165]. Người sáng tác đã vất vả với từng câu, chữ nên người thường thức, phê bình nhất thiết cũng phải quan tâm đến sức mạnh biểu đạt của ngôn từ để, trên cơ sở đó, có thể tiếp cận hình tượng nghệ thuật, thẩm định giá trị tư tưởng, thẩm mỹ của tác phẩm một cách chính xác và hiệu quả. Nhận thức được tầm quan trọng của ngôn từ nghệ thuật nên, trong phê bình văn chương, Kim Thánh Thán thường thẳng thắn phê phán rằng “*Ta ghét nhất con em người đời, phạm khi đọc sách, không chịu đọc hiểu văn tự, chỉ nhớ những sự việc chung chung, vậy mà đã cho là đọc xong sách rồi*” [5, tr. 28]. Lời phê phán nêu trên có phần cực đoan

và gay gắt nhưng xét đến cùng, phê bình, thường thức văn chương mà không quan tâm đến công phu lao động nghệ thuật của nhà văn trong việc luyện chữ, tạo lời, không thấy được vẻ đẹp tinh tế, tổ chức chặt chẽ của ngôn từ nghệ thuật thì mọi lời bình tán chung chung, khen ngợi hay chê bai cảm tính đều thiếu sức thuyết phục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quách Thiệu Ngu (Chủ biên) (2001), *Trung Quốc lịch đại văn luận tuyển* (Quyển 2), Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, Thượng Hải, Trung Quốc.
2. Vương Sung. Hoàng Hiếu tuyển (1990), *Luận hoành hiệu thích* (Tập 2- Quyển 13), Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh, Trung Quốc.
3. (Thanh) Kim Thánh Thán trứ. Lục Lâm tập hiệu chỉnh lí (2008), *Kim Thánh Thán toàn tập* (Tập 1), Phụng Hoàng xuất bản chuyên môi tập đoàn, Phụng Hoàng xuất bản xã, Trung Quốc.
4. (Thanh) Kim Thánh Thán trứ. Lục Lâm tập hiệu chỉnh lí (2008), *Kim Thánh Thán toàn tập* (Tập 2), Phụng Hoàng xuất bản chuyên môi tập đoàn, Phụng Hoàng xuất bản xã, Trung Quốc.
5. (Thanh) Kim Thánh Thán trứ. Lục Lâm tập hiệu chỉnh lí (2008), *Kim Thánh Thán toàn tập* (Tập 3), Phụng Hoàng xuất bản chuyên môi tập đoàn, Phụng Hoàng xuất bản xã, Trung Quốc.
6. (Thanh) Kim Thánh Thán trứ. Lục Lâm tập hiệu chỉnh lí (2008), *Kim Thánh Thán toàn tập* (Tập 4), Phụng Hoàng xuất bản chuyên môi tập đoàn, Phụng Hoàng xuất bản xã, Trung Quốc.
7. (Thanh) Kim Thánh Thán trứ. Lục Lâm tập hiệu chỉnh lí (2008), *Kim Thánh Thán toàn tập* (Tập 5), Phụng Hoàng xuất bản chuyên môi tập đoàn, Phụng Hoàng xuất bản xã, Trung Quốc.

Abstract: Jin Sheng Tan was one of the outstanding Chinese literary critic between Ming dynasty and Qing dynasty in China. He criticized many books in various genres such as classics, Tang poetry, novels, Chinese operas, etc. When he criticized any kind of genres, he was particularly concerned to explore the beauty, the value of shaping and expressing of language used in literary works. Through researching and analyzing the writing of Jin Sheng Tan's critic, this study aims to examine the special features in his criticism of language used in literary works in terms of morphology, syntax, and prosody.

Key words: literary critic; the art of language morphology; syntax; prosody.

³ Nguyên văn: “苟有文無實，是則五色之禽，毛妄生也” (Câu hữu văn vô chí, thị tắc ngũ sắc chi cầm, mao vọng sinh dã).

⁴ Nguyên văn: “故意雖深，理雖當詞不工者不成文，宜不能傳也。文禮義三者兼併，乃能獨立於一時，而不泯滅於後代，能必傳也 (Cố ý tuy thâm, lí tuy đáng, từ bất công giả bất thành văn, tuyên bất năng truyền dã. Văn lễ nghĩa tam giả kiêm tềnh, nãi năng độc lập ư nhất thời, nhi bất mẫn diệt ư hậu đại, năng tất truyền dã).